

Vài Danh Xung và Định Mạng trong Lịch Sử Nam Mai Trịnh Quốc Thuận

Lê Long Đĩnh 黎龍鋌 (986 – 1009)

Làm vua được 4 năm (1005-1009). Ông mất năm 24 tuổi (1009). Cái chết đột ngột của ông có thể nào gắn liền với định mạng danh xung của ông, Long Đĩnh 龍鋌 !?

龍, long = rồng, linh vật tượng trưng cho vua.

鋌, đĩnh, thính.

Điều phi bất hạ, thú thính vong quần 鳥飛不下, 獸鋌亡群 (Điều cô chiến trường văn 弔古戰場文) Chim bay không đáp xuống, thú **chạy vội** lạc bầy. (theo Hán Việt Từ Điển Trích Dẫn).

Đĩnh còn có nghĩa là thoi (như thoi vàng, đĩnh vàng); còn nghĩa nữa là hết (theo Thiều Chửu Từ Điển).

鋌 đĩnh (đồng âm đĩnh, khác ở bộ nhục), nghĩa là cục thịt khô

Thử tưởng tượng, vàng một khi đã nấu chảy, và đúc thành thoi 鋌, đó là chung cục, hết cuộc đời.

Hay thú một khi đã chạy quá nhanh xa bầy, đó là tự diệt.

Hay 龍鋌 (Long Đĩnh) là cục thịt rồng khô, đó là xác vua chết.

Lê Long Đĩnh thường được thế gian biết đến là ông vua Ngọa Triều; giết anh cướp ngôi; trị vì thì tàn ác, bất nhân với lê dân, tù binh, và tăng nhân; lâm trào thì khinh thị quần thần, triều cương. Sánh ông ác hơn Kiệt, Trụ (Ngô Thời Sĩ)

Sách sử cũng có viết lại là ông không những tha mạng cho Lý Công Uẩn, mà còn trọng dụng, khi Uẩn ôm thây vua Long Việt khóc, ông cho đó là trung nghĩa. Năm 1007, ông phái sứ sang Tàu triều cống nhà Tống, cống phẩm có con tê trắng, dâng biểu xin cử kinh (chín pho sách kinh điển của đạo Nho) và kinh Đại Tạng của Phật giáo (Khâm định Việt sử thông giám cương mục).

Sử nói ông hoang dâm vô độ, mắc bệnh trĩ, lâm triều phải nằm. Nhưng sử cũng viết tháng 2 năm 1009, Long Đĩnh ngự giá Ái Châu (Thanh Hóa), hạ chiếu đào sông ở Ái Châu. Tháng 7, nhà vua đã thân chinh dẹp loạn hai châu Hoan, Đường và Thạch Hà (Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục). Tháng 10 cùng năm vua Long Đĩnh mất.

Đọc sử về Lê Long Đĩnh, tôi thấy ít nhiều mâu thuẫn.

Một người tàn ác, giết anh, khinh thị trào cường nhưng ngưỡng mộ trung nghĩa, trọng lễ giáo, nho học, chuộng Phật pháp, đào sông khai ấp.

Hoang dâm vô độ nhưng trong bốn năm trị vì thân chinh cầm quân dẹp loạn năm lần.

Một người lâm triều không ngồi được thì làm sao ra trận, đi thuyền, cưỡi ngựa, nài voi ?

Tri tân luận cổ. sách sử hiện đại ở Việt Nam ngày nay xuất bản được viết với chiều hướng lãnh đạo của đảng CS Việt Nam. Cái lệch lạc, sáng tác, méo mó sự thật đó là bài học cho người đọc sử ngày nay.

Trước đó ít lâu, có cây bông gạo trong châu Cổ Pháp, quê của Lý Công Uẩn, bị sét đánh tróc rễ, lộ ra bài thơ. Ít hôm sau trong dân gian có bài đồng dao:

*Thụ căn yếu yếu
Mộc biểu thanh thanh
Hòa đao mộc lạc
Thập bát tử thành
Đông A nhập địa, *
Mộc dị tái sinh*
Chấn cung kiến nhật,
Đoài cung ẩn tinh,
Lục thất niên gian,
Thiên hạ thái bình*

**樹根杳杳
木表青青**

禾刀木落
十八子成
東阿入地
木異再生
震宮見日
兌宮隱星
六七年間
天下太平

*Hai câu này không có trong Đại Việt Sử Lược.

Tạm dịch:

Gốc rễ mọt mòn, Hình cây xanh xanh, Cây lúa dao rụng (ám chỉ cây gạo, nhà Lê mất), Mười tám hạt thành (họ Lý lên thay), Đông A vào đất, cây khác lại sanh, phương đông trời mọc, cõi tây sao ẩn, trong sáu bảy năm, thiên hạ thái bình

Chữ nghĩa như sau:

Hòa đao mộc lạc, 梨梨梨 đều có âm “Lê”, 禾 (hòa), 刀 (đao), 木 (mộc), cộng lại ra chữ Lê (梨)= ý nói nhà Lê. (Lạc) là rơi, rụng, mất.

Thập bát tử thành, 十 (thập), 八(bát), 子(tử), hiệp nhau ra chữ lý (李) = ý nói họ Lý . (Thành) là làm nên.

Người đời cổ kim cho bài đồng dao trên là mấy câu sấm do Thiên Sư Vạn Hạnh nghiệm ra. Cũng có người cho đó là diệu thuật của Lý Công Uẩn. Mẹo “bói quẻ” đó, Trần Thắng khoảng ngàn năm trước đã dùng để sách động dân phu dưới thời Tàn Nhị Thế ^a. Uẩn từ nhỏ đã được Thiên Sư Vạn Hạnh dạy dỗ, đọc nhiều kinh sách, học Phật pháp. Ông có chí lớn. Bài thơ có lẽ là mấy câu sấm của Sư Vạn Hạnh, bí mật cho người thân tín dạy con trẻ trong làng để chuẩn bị nhân tâm cho cái thiên ý trong câu sấm đó để Lý Công Uẩn lên ngôi được danh thuận ngôn chánh.

Cái chết của vua Long Đĩnh còn là nghi án, có lẽ do tay Tả thân Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn (Ngô Thời Sĩ).

Đại Việt Sử Lý Toàn Thư có viết : “*Vạn Hạnh mới bảo Lý Công Uẩn rằng: “Mới rồi tôi thấy chữ bùa sấm kỳ lạ, biết họ Lý cường thịnh, tất dấy lên cơ nghiệp.*”

Nay xem trong thiên hạ người họ Lý rất nhiều, nhưng không ai bằng Thân vệ là người khoan thứ nhân từ được lòng dân, lại đang nắm binh giữ quyền trong tay, đứng đầu muôn dân chẳng phải Thân vệ thì còn ai đương nổi nữa. Tôi đã hơn 70 tuổi rồi, mong được thư thả hãy chết, để xem đức hóa của ông như thế nào, thực là cái may nghìn năm có một". Công Uẩn sợ câu nói ấy tiết lộ, bảo người anh đem Vạn Hạnh giấu ở Tiêu Sơn. Song từ ấy cũng lấy thế tự phụ mới nảy ra lòng nhòm ngó ngôi vua, mà người ta cũng quy phụ."

Sau khi vua Lê Long Đĩnh mất năm 1009, Lý Công Uẩn được Đào Cam Mộc và quần thần tôn lên làm vua. Năm sau 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La.

Theo truyền thuyết thì thành Đại La (大羅), do Cao Biền, sau khi phá tan quân Nam Chiếu năm 866, trùng tu nói rộng ,xây dựng trên đất nước mà nhiều năm trước có tên lần lượt như Long Biên, Tống Bình, Long Đỗ, La Thành, và trấn ếm long mạch núi Ba Vì, đặt tên thành là Đại La. Đại La (大羅), nghĩa là ***cái lưới lớn bắt chim muông***, có lẽ vì kiêng cử danh xưng, phong thủy, trấn ếm của thành Đại La, mà Ngô Quyền sau khi đánh thắng quân Nam Hán, đã không đóng đô ở thành Đại La như Dương Diên Nghệ và Khúc Thừa Dụ, mà dời đô ra Cổ Loa.

Khi dời đô từ Hoa Lư đến thành Đại La, cũng có lẽ vì kiêng cử tên Đại La, hay là muốn phá cái trấn ếm của Cao Biền mà vua Lý Thái Tổ đổi tên thành Đại La ra thành Thăng Long 昇龍(rồng bay lên trời). Ngài cho bá cáo với lê dân bá tánh rằng là thấy niêm lành rồng vàng bay lên trời từ sông Tô Lịch, trước thuyền vua.

Thành Thăng Long, thành Gia Định và hai vua Gia Long, Minh Mạng.

Năm 1802 Nguyễn Phúc Ánh lên ngai vàng lấy niên hiệu là Gia Long, đặt tên nước là Nam Việt (trùng tên với Nam Việt thời Triệu Đà). Nhà Thanh (vua Gia Khánh 嘉慶) đổi lại là Việt Nam (Nước Nam của người Việt). Năm 1805 vua Gia Long đổi tên thành Thăng Long 昇龍(rồng bay lên) ra Thăng Long 昇隆 (tăng tiến hưng thịnh), có lẽ vì muốn bá cáo đó không phải chỗ vua ở (rồng, linh vật tượng trưng cho vua). Và cho hài hòa, đối ứng với niên hiệu Gia Long 嘉隆 (trong Nam thì có thành Gia Định 嘉定). Gia Long cho phá vỡ thành cũ kiên cố , xây

thành mới nhỏ hơn có lẽ vì tâm địa hẹp hòi, ông không muốn thành Thăng Long, kiên cố, to lớn hơn kinh đô Huế ở Phú Xuân. Phá thành cũ, vua Gia Long phá đi cái di tích lịch sử ngàn năm tự chủ, gắn liền với huyền thoại, truyền thuyết như phong thủy long mạch.

Vì Thăng Long là kinh đô ngàn năm, sĩ phu, quan lại Bắc Hà vẫn gọi 昇龍 Thăng Long trong mọi sinh hoạt xã hội. Điển hình nhất là Nguyễn Du phụng lệnh đi sứ Tàu năm 1813, lúc đó cụ đã gần ngũ tuần, đầu tóc bạc phơ. Trên đường cụ có ghé qua Thăng Long, trông cảnh tang thương đó cụ có đề hai bài thơ tựa là *THĂNG LONG* 昇龍, 1 và 2. Và bài *Cầm Giả Dẫn* 琴者引 (LONG THÀNH CÀM GIẢ CA 龍城琴者歌). Dù là quan lại dưới thời Gia Long, Nguyễn Du vẫn dùng chữ 龍 trong Thăng Long và Long Thành

琴者引 < 阮攸 >

龍城佳人

不記名字

獨善絃琴

舉城之人以琴名

學得先朝宮中供奉曲

自是天上人間第一聲

余在少年曾一見….

Long thành giai nhơn

Bất ký danh tự

Độc thiện huyền cầm

Cử thành chi nhơn dĩ Cầm danh

Học đắc tiên triều cung trung Cung Phụng khúc

Tự thị thiên thượng nhơn gian đệ nhất thanh

Dư tại thiếu niên từng nhứt kiến... (GS Lê Văn Đăng)

Thăng Long Đệ nhất thủ 昇龍 (1)

Tản lĩnh Lô giang tuế tuế đông

Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long

Thiên niên cự thất thành quan lộ*

Nhất phiến tâm thành một cố cung*

Tương thức mỹ nhân khan bão tử

Đông du hiệp thiếu tẫn thành ông

Quan tâm nhất dạ khổ vô thuy
Doãn dịch thanh thanh minh nguyệt trung

昇龍第一首

**傘嶺瀘江歲歲同
白頭猶得見昇龍
千年巨室成官道
一片新城沒故宮
相識美人看抱子
同遊俠少盡成翁
關心一夜苦無睡
短笛聲聲明月中**

*Hai câu thơ nói lên cảnh tang thương lâu đài ngàn năm xưa bị phá đổ, thành mới nhỏ hơn được xây trên cung điện ngày xưa, mà nay đã vùi lấp dưới chân thành mới. Đây là bản án rành mạch, Nguyễn Du đã kín đáo lên án Gia Long phá bỏ cổ tích văn hóa ngàn năm.

Thăng Long 昇龍 (1)

Sông Lô núi Tản vẫn thừa nào
Đầu bạc Thăng Long ta lại vào
Đền củ ngàn năm ra quan lộ
Cung xưa mai một dưới bờ hào
ngươi đẹp quen kia nay bông bé
Bạn bè trẻ đó giờ tiêu hao
Bụi ngùi canh dài khôn chớp mắt
Sáo lộng đêm trăng da xốn xao
Bản dịch thơ, Nam Mai TQT

Thăng Long 昇龍 (2)

Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành,
Do thị Thăng Long 昇龍 cự đế kinh
Cù hang tứ khai mê cự tích
Quản huyền nhất biến tạp tân thanh
Thiên niên phú quý cung tranh đoạt

*Tảo tuế thân bằng bán tử sinh
Thế sự phù trầm hưu thán tức
Tư gia đầu bạch diệc tinh tinh.*

昇龍 第二首

**古時明月照新城，
猶是昇龍舊帝京。
衢巷四開迷舊跡，
管弦一變雜新聲。
千年富貴供爭奪，
早歲親朋半死生。
世事浮沉休嘆息，
自家頭白亦星星**

Thăng Long Bài số 2 昇龍 (2)

*Ánh trăng xưa soi tòa thành mới
Đó là Thăng Long kinh thành cổ
Đường xá bốn bề lộn xộn làm mờ lối cũ
Đàn sáo thay đổi chen điệu mới
Từ ngàn năm, phú quý là môi tranh đoạt
Bạn bè lúc trẻ nay còn một nửa
Chuyện đời chìm nổi chớ thở than
Ta đây tóc cũng đã bạc phơ
dịch nghĩa Trịnh QT*

Bà Huyện Thanh Quan (1805-1848) cũng có bài thơ nôm tả cảnh tang thương thành Thăng Long:

***Thăng Long Thành hoài cổ
Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
Đến nay thấm thoát mấy tình sương
Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương,***

*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.
Cảnh đày người đày luống đoạn trường*

Có lẽ vì sĩ tử, lê dân Bắc Hà, vẫn tưởng nhớ Thăng Long (Cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành 1826-1827 ở Nam Định, Thái Bình) Hay là vì cái tên Thăng Long là nguồn đe dọa cái ngai vàng triều Nguyễn ở Huế. Năm 1831 Minh Mạng hoàn tất việc làm dỡ dang của vua Gia Long, đổi tên thành Thăng Long ra thành Hà Nội 河内. Trắng trợn xóa bỏ cổ danh Thăng Long có ngàn năm lịch sử. Danh xưng đó không tồn tại, gắn liền với định mệnh, đó điềm báo trước sự sụp đổ của thành Thăng Long sau này.

Vì vậy mà khi quân Pháp đánh phá thành Hà Nội năm 1882- Hoàng Diệu (1828-1882) phải tuân tiết tự vận vì nội thành quá chật hẹp, kho đạn trong thành bị gian tế phá nổ, thiếu đạn dược, thành nhỏ không kiên cố, không chống nổi đại pháo Tây Lang Sa.

Thành Thăng Long sụp đổ, chứng tích lịch sử chỉ tồn tại trong bảo tàng viện, sách vở, thơ phú. Vật chất thành quách không còn, nó cuốn theo huyền thoại địa linh, phá luôn cái phong thủy, cái đất long mạch mà non ngàn năm trải bao triều đại, là kinh thành Đại Việt quốc, văn hiến chi bang.

Thật ra nguyên lai địa danh Hà Nội có từ thời Đông Châu Liệt Quốc bên Tàu, đó là 1 vùng đất ở phía bắc sông Hoàng Hà. Vua Minh Mạng đã mượn một địa danh phương Bắc để đặt tên cho cố đô ngàn năm. Một danh xưng ngoại lai.

Khí thiêng từ đỉnh cao nguyên Tây Tạng theo núi sông qua Vân Nam đến Việt Nam, hun đúc ở đỉnh Fansipan, rồi dọc theo dải Hoàng Liên Sơn, hội tụ ở núi Ba Vì, trải khắp vùng núi châu sông tụ, chia sẻ với đồng bằng sông Hồng rồi mới ra biển, nhưng không mất mà quyện lại ở vịnh Hạ Long. Biển Đông như Thái Âm, rồng theo dòng sông mẹ (Mekong) Cửu Long tới An Giang Châu Đốc rồi men theo dải Trường Sơn ra Bắc tụ lại ở Ba Vì. Ba Vì như đầu rồng, Trường Sơn là thân rồng, núi Sam là đuôi rồng, Hoàng sơn là vuốt rồng. Thế mà kinh đô ngàn năm Thăng Long ở vùng linh địa núi châu sông tụ kia lại bị hai vua Gia Long Minh Mạng đập phá xóa tên trên lãnh thổ nước Việt. Vứt đi cái vượng khí của đất đai. Trong lịch sử từ khi thành Thăng Long sụp đổ, đất Hà Nội chỉ là nơi trấn đóng của quyền lực ngoại bang. Hà Nội bị Pháp chiếm đóng từ năm 1883, trở thành thủ phủ của thực dân Pháp cho toàn cõi Đông Dương (the capital of French Indochina) 1902 -1940. Nhật 1940-1945, Việt Minh 1945, Tây 1945-1954, Đảng Cộng Sản

Việt Nam từ 1954 đến nay. Quyền lực của đảng CS VN, dựa trên lý thuyết ngoại lai, và chánh quyền VN ngày nay không là đại diện cho quyền lợi nhân dân Việt Nam.

Năm 1679 di thần nhà Minh Trần Thượng Xuyên, người Quảng Đông, với phó tướng Trần An Bình, đem binh, thuyền, thê, tử 3 châu, Cao-Lôi-Liêm đến Đàng Trong đầu chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần. Được chúa Hiền cho vào lập nghiệp ở miền Nam. Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình mang bản bộ binh mã vào cửa Cần Giờ, đến đóng ở Bàn Lân, cù lao Phố Biên Hòa. Gọi đất Đồng Nai là Nông Nại, lập ra Nông Nại đại Phố (cù lao Phố).

Địa danh Gia Định có từ khi quan Thống suất Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam đi kinh lược Cao Miên năm 1698, “*Ông lấy đất Nông Nại làm phủ Gia Định, ...lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn.*” (Trịnh Hoài Đức)

Năm 1790, lúc vua Quang Trung bận việc giao hảo với nhà Thanh, cải cách triều chính, kinh tế...ở Bắc Hà. Trong miền Nam, Chúa Nguyễn Phúc Ánh lợi dụng thời gian đó xây dựng kinh thành Gia Định (*Gia Định Kinh*) ở đất Phiên Trấn để lo kế lâu dài đối phó nhà Nguyễn Tây Sơn. Có người Pháp (Oliver de Puymanuel) giúp vào công trình đó. Thành xây theo kiểu Vauban có tám góc. “*Ngày 4 tháng 2 năm Canh Tuất thứ 13 (1790), tại chỗ gò cao thôn Tân Khai thuộc đất Bình Dương*,Ngài (Nguyễn Ánh) mới cho đắp thành bát quái như hình hoa sen, mở ra 8 cửa, có 8 con đường ngang dọc...*” Vì vậy thành Gia Định còn được gọi là Quy Thành, hay thành Bát Quái

*Đó là địa danh vào khoảng năm 1820, lúc Trịnh Hoài Đức soạn Gia Định Thành Thông Chí, theo như Trương Vĩnh ký thì thành Gia Định có 4 vách nằm giáp 4 đường: Lê Thánh Tôn (Đông) Phan Đình Phùng (Tây),Đình Tiên Hoàng (Bắc), và Công Lý (Nam).

Năm 1832 Minh Mạng đổi tên thành Gia Định ra thành Phan Yên (Phiên An). Thành Gia Định tượng trưng cho uy quyền triều đình nhà Nguyễn ở miền Nam. Chuyện kể lúc Tà Quân Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Gia Định Thành (toàn cõi miền Nam lúc bấy giờ, mãi đến thời vua Minh Mạng 1834 mới gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh). Mỗi năm có lệ chúc thọ vua Gia Long ở hành cung thành Gia Định vào ngày Nguyên Đán. Có năm vua Cao Miên đến trễ vì ngủ quên ở trong phố Đề Ngạn (Chợ Lớn) bị quan Tổng Trấn phạt 3000 lượng bạc mới cho về nước.

Mấy địa danh, tên thành như Gia Định, Phiên An, Trấn Biên, Phiên Trấn... đều có hàm ý nói rộng quyền lực Chúa Nguyễn, tốt lành cho việc mở mang bờ cõi, chiếm đất, cai trị, an dân (Đất Gia Định Thành ngày xưa thuộc nước Chân Lạp, cùng một dụng ý đó mà người Trung Hoa thường gọi nước Việt Nam là An Nam Quốc, người Việt là người An Nam.)

Quan Lớn Thượng Lê Văn Duyệt mất năm 1832. Vì sợ quyền uy của Tổng Trấn Gia Định thành lấn áp quyền hành triều đình Huế, vua Minh Mạng bãi chức Tổng Trấn, lập ra Tổng Đốc, Tuần Phủ, Bố Chánh, Án Sát. Lúc đó Bố Chánh Phiên An là Bạch Xuân Nguyên. Nguyên là người tàn ác tham lam, phụng mệnh chỉ Minh Mạng tra xét việc riêng Lê Văn Duyệt, giam cầm tra khảo người thân cận quan Tổng Trấn khi xưa.

Uất ức vì thanh danh cha nuôi Lê Văn Duyệt, Lê Văn Khôi nổi dậy năm 1833 giết chết Nguyên. Vì Thái Công Triều phản, Khôi phải chiếm thủ thành Phan Yên. Nhưng không lâu sau, Khôi bị bạo bệnh mà mất cùng năm. Thành Phan Yên thất thủ năm 1835. Minh Mạng hành quyết hơn 1800 sanh linh, chôn tập thể ở "Mả Ngụy" trông trụ đá đề "Ngụy tặc nhất võng trình tru". Bắt 6 người, trong đó con trai Khôi, mới 7 tuổi, cha Marchand, 1 người Hoa, về Huế xử lăng trì. "*Dem một đứa trẻ vô tội, hai người ngoại quốc ra làm cái tội thảm hình ấy, thật là gớm ghê quá...thật là dã man vô cùng*" (Trần Trọng Kim).

Năm sau 1836, Minh Mạng phá bỏ thành Phiên An (thành Gia Định) có lẽ vì thành quá kiên cố, chỉ thất thủ khi người bên không còn sức chống cự. Đó là cái đe dọa cho triều đình nhà Nguyễn. Như Gia Long, Minh Mạng cho xây lại thành mới nhỏ hơn. Đến năm 1859, Tây chiếm Sài Gòn. Tên Tây thực dân Rigault de Genouilly phá nổ tận gốc, thiêu rụi thành Saigon (citadelle de Saigon) không còn dấu tích. Trách Tây thực dân phá nát thành trì cổ tích ta, ngấm lại, đó cũng là nghiệp do tổ tiên Đại Việt gieo trồng, đã tiêu huỷ gần hết vật chất văn hóa của Chiêm Thành.

Một ông vua mà đi phá thành trì của xứ mình thì đó là điềm báo trước cái biểu tượng mang tên thành quách đó cũng sẽ sụp đổ. Vài năm sau đó, công chúa Ngọc Vân của Chân Lạp bị đưa về Gia Định, hai nhiếp chính đại thần Chân Lạp bị

đầy ra Bắc Thành, dân Chân Lạp nổi dậy, uy quyền chúa Nguyễn phải bỏ Trấn Tây thành (Cao Miên ngày nay), rút về An Giang^b. Từ năm 1836, miền Nam không thêm một tấc đất.

Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ và Đông Định Vương Nguyễn Lữ

Khoảng năm 1772, 3 anh em Nguyễn Nhạc, Lữ và Huệ khởi nghĩa dấy lên từ dãy núi phía tây, ấp Tây Sơn, thuộc vùng An Khê, Bình Định (Qui Nhơn). Được hưởng ứng nồng nhiệt của nông dân, thương gia và dân khách trú (thủ lĩnh là Lý Tài và Tập Đình). Họ dương cờ trượng nghĩa, trừ bọn quan lại tham ô, cướp của bọn trọc phú bất chánh, lấy của nhà giàu chia cho người nghèo. Với mưu trí và dũng cảm, năm 1773 Nguyễn Nhạc đã sớm chiếm được thành Qui Nhơn (thành Đồ Bàn) làm căn cứ. Đến năm 1776, thanh thế quân Tây Sơn đã lớn mạnh. Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương đóng đô ở thành Qui Nhơn. Năm 1778 lại xưng đế, hiệu là Thái Đức. Sau khi giảng hòa với Huệ, năm 1787 Nhạc phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương cai quản Bắc Hà. Phong Lữ làm Đông Định Vương, trú đóng đất Gia Định. Lữ và bộ tướng bất tài không giữ được đất Gia Định. Nhạc thì lo làm hoàng đế thức đãi (Thái Đức) đất Qui Nhơn. Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ thì vì đại nghĩa, ngừa cái họa mất nước, phải lo dẹp quân Thanh phương Bắc. Quân Tây Sơn Lữ cô thế, bị Nguyễn Ánh đánh đuổi khỏi đất Gia Định. Ánh xây thành Gia Định năm 1790. Đánh dấu quyền thổ trưng lai, thời điểm hoàng kim của Nguyễn Vương Ánh ở miền Nam. Đó là tài chí, thời thế và cũng là định mạng trong danh xưng. Tại sao Lữ là Đông Định Vương mà không Nam Định Vương, hay Nam An Vương. Mảnh đất Gia Định phía nam Qui Nhơn, cần phải bình định an bang. Chớ biển đông, có gì mà phải bình định? Có lẽ Nguyễn Nhạc coi Đông Sơn Đồ Thanh Nhơn là đối thủ. Bình định lực lượng Đông Sơn xong, Nguyễn Ánh sẽ bị tiêu diệt trong sớm chiều.

Thừa sơ khai dấy binh ở Qui Nhơn, anh em Tây Sơn đã biết lợi dụng thời cơ, "*binh triều là binh Thái Phó, quân ó là quân Hoàng Tôn Dương*", biết dương cờ trượng nghĩa. Vì vậy mà dân bốn xứ chen nhau dưới trướng. Khi Nhạc, Lữ vào nam thì thanh thế Tây Sơn đã lớn mạnh, tranh với Nguyễn Ánh săn bắt con huơu của vua Lê. Thế mà Nhạc, Lữ không biết gì về an dân, không trọng nhân tâm,

hành xử như thảo khấu, vợ vét của cải ở Cù Lao Phố, giết dân vô tội ở Đê Ngạn, Bến Nghé (Trịnh Hoài Đức) °.

Thất thủ Thanh Long 1786, chúa Trịnh Khải chạy lên Phúc Yên, bị dân bắt trói nộp cho Nguyễn Huệ. Đó là lòng dân Bắc Hà không có chúa Trịnh. Tây Sơn vô nam truy sát Nguyễn Ánh nhiều lần không bắt được. Đó là người Gia Định chỉ biết chúa Nguyễn chứ chưa có Tây Sơn. Đó cũng tại đầu óc địa phương của Nhạc, Lữ, vào nam coi mạng dân như cỏ, nên dân Nam cho Tây Sơn là giặc (khẩu).

Năm Mậu Thân 1788, Vua Càn Long sai Tổng Trấn Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị mang 30 vạn quân vào An Nam, chiếm đóng Thăng Long. Vua Lê đưa giặc vào nhà, danh nghĩa phù Lê không còn thiết thực, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế hiệu là Quang Trung, truyền lệnh ăn tết nguyên đán, hiệu triệu quốc dân, tam quân bắc phạt, định với tướng sĩ ngày mùng 7 tháng giêng sẽ ăn mừng ở thành Thăng Long. Rồi điều binh thần tốc ra Bắc Hà. Trong 6 ngày đã phá tan quân Thanh ở đồn Hà Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa. Trưa mừng năm tết vua Quang Trung với chiến bào còn thơm mùi khói súng đã vào Thăng Long.

Chiến công đó thế gian tự cổ chí kim mấy ai làm được. Tiếc thay, vua Quang Trung mất đột ngột năm 1792. Để lại một đế nghiệp dở dang. Mang theo cái tài kinh bang tế thế xuống cửu tuyền.

Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Đông Sơn Đỗ Thanh Nhơn

Địa lý Việt Nam thì hướng tây có núi kéo dài từ bắc vô nam, đông có đất bằng giáp biển. Địa hình đó có nhắc nhở trong ca dao như "*Làm trai cho đáng nên trai, xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài tan*". Mặt trời lặn về hướng tây, sau hoàng hôn thì khuất bóng sau núi. Ánh dương buổi hoàng hôn huy hoàng đó, nhưng giây khắc, rồi lặn dần để lại màn đêm u ả. Trong buổi loạn lạc, tay không nổi cơ đồ, rồi Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương. Âu đó cũng là điềm báo cho một vương triều ngắn ngủi.

Đỗ Thanh Nhơn người Thừa Thiên nguyên là võ quan ở Phú Xuân. Khi Nguyễn Phúc Thuần trốn chạy Tây Sơn vô Gia Định thì Đỗ Thanh Nhơn đã dời vô

Phiên An, ở vùng Ba Giồng, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Trong nhà có cửa ả của đẽ. Ông tụ tập dân đình tự xưng là Nghĩa Quân Đông Sơn đi cưú giá. Đánh lấy được đất Gia Định. Năm 1777, Nguyễn Huệ đánh chiếm Gia Định lần 2, phá tan quân chúa Nguyễn, ít lâu sau quân Tây sơn truy bắt, giết Nguyễn Phúc Thuận và Nguyễn Phúc Dương, cùng nhiều quan lại. Ông và các tướng tôn Nguyễn Ánh làm Đại Nguyên Soái Nhiếp Quốc Chính năm 1778. Lập được nhiều công, ông được Ánh phong Ngoại Hữu Thượng Chính Phụ Tướng Quân, năm 1781 ông bị Ánh lừa và bắt giết. Trong 6 năm từ lúc chiêu tập dân quân ở Ba Giồng, quân Đông Sơn đã lập nhiều chiến công, bảo giá, đánh Nhạc, Lữ phải rút về Qui Nhơn. Ông không chết vì Tây Sơn mà bị hại do tay Nguyễn Ánh. Phải chăng đây cũng là điềm báo tại danh xưng. Theo phong thủy tứ tượng thì hướng đông thuộc thanh long. Đông là hướng mặt trời mọc, biểu tượng của vua chúa. Mà rồng cũng là hình tượng của vua. Xét việc kết oán với Lý Tài, ông là người có tánh tình cương nghị, võ biên. Tận trung với chúa, trong buổi loạn lạc, dựng cờ Đông Sơn để phò chúa chống chọi với Tây Sơn. Ông không phải là kẻ gian hùng, hay người có chí cả mưu bá đồ vương như sử sách nhà Nguyễn ghi lại. Tiếc thay ông phò một thiếu niên mà lịch sử đã cho biết là người có tâm tánh hẹp hòi, đa nghi, tàn ác và vô ân. Đã lừa ông và giết đi để trừ cái hậu họa Đông Sơn, tranh ngôi báu sau này. Có phải chỉ vì mấy câu sấm của sư Vạn Hạnh chăng?

*Chấn cung kiến nhật,
Đoài cung ản tinh,
Lục thất niên gian,
Thiên hạ thái bình*

Dịch như sau:

Phương đông (thấy) trời mọc (khi nghĩa quân Đông Sơn ra đời), cõi tây sao ản* (thì vua Tây Sơn chết), trong sáu bảy năm, thiên hạ thái bình.

*Sao khuất bóng núi Tây; khuất núi, khuất bóng có nghĩa qua đời, chết.

Song Thập và Song Thất.

Ông Ngô Đình Diệm được quốc trưởng Bảo Đại bổ nhiệm chức thủ tướng nước Việt nam ngày 19/6 /1954 tại lâu đài Thorencen, nước Pháp. Ông về nước ngày 26/6/1954. Ngày 7 tháng 7 năm 1954, thủ tướng Ngô Đình Diệm trình diện

nội các chánh phủ trước quốc dân, gồm 17 người, đứng đầu là Thủ tướng Ngô Đình Diệm, kiêm Tổng trưởng Nội vụ, kiêm Tổng trưởng Quốc phòng. Hai năm sau chánh phủ ban hành đạo luật định ngày 7 tháng 7 là ngày lễ quốc gia, còn được gọi là ngày Song Thất. Người thân cận ông Diệm muốn nâng cao giá trị ngày 7 tháng 7 năm 1954 như ngày 10 tháng 10 năm 1911 của Trung Hoa Dân Quốc, nên gọi ngày 7/7 là ngày Song Thất. Người Trung Hoa gọi ngày 10/10 là ngày Song Thập. Đó là ngày cách mạng Tam Dân do Tôn Dật Tiên lãnh đạo thành công ở Trung Hoa. Lật đổ chế độ quân chủ Mãn Thanh, lập nên thể chế cộng hòa tự do, trên căn bản Tam Dân Chủ Nghĩa, dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Đây là cuộc cách mạng đẫm máu. Tôn Văn được dân Trung Hoa cả hai bờ eo biển Đài Loan, tôn là Quốc Phụ. Hai bên đều lấy năm 1911 là năm Dân quốc nguyên niên (Dân quốc, nước của dân). Văn hóa phong tục người Hoa rất chuộng số 10 và số 2. Mười là thập toàn, hai là đôi là cặp. Theo họ ngày 10 tháng 10 là ngày song thập, là thập thập toàn. Vì vậy mà cả 2 bên cộng sản (Trung Quốc) cộng hòa (Trung Hoa Dân Quốc) đều lấy đó làm ngày quốc khánh. Vua Càn Long khi về già tự phong cho mình là "Thập toàn lão nhân" ông rất hạnh diện về chiến công trong đời mình. Có lẽ vì vậy, vua Càn Long rất vui vẻ chấp nhận thơ cầu hòa của vua Quang Trung. Ông coi việc vua An Nam, một Tôn Ngô tái thế^c, đến chúc mừng ngày khánh thọ bát tuần của ông như là một chiến công lớn cuối đời.

Khoảng cuối thập niên 1950s tôi có lần nghe ba má tôi nói bâng quơ với nhau: "Người Công Giáo^d kỳ quá, họ không tin trời Phật, không thờ cúng ông bà tổ tiên đã đành, mà sao họ lại không chú trọng phong tục văn hóa hay cứ kiêng gì hết? Tại sao mà đi gọi ngày 7 tháng 7 là ngày Song Thất". Sau ngày 1 tháng 11 năm 1963. Tin hai ông Nhu, Diệm bị sát hại ở nhà thờ Cha Tam, Chợ Lớn. Thì tôi mới vỡ lẽ. Song thất là "đôi mất". Âm Hán Việt "thất" là bảy, còn nghĩa khác là mất (tiếng nói miền Nam, mất còn có nghĩa là chết). Như vậy "song thất", hiểu nôm na là "chết cặp". Con nít miền Nam chơi trong xóm thửa đó khi giận nhau thì rửa nhau ôm xôm, ôm tòi: "đồ chết chùm, chết cháy...". Người thân cận TT Ngô Đình Diệm vì suy tôn ông nên gọi ngày 7 tháng 7 là ngày Song Thất. Vô tình phạm phải điều mà văn hóa người mình kiêng cử. Âu cũng là điềm báo cho vận mạng hai ông Diệm Nhu.

Nói tới vận số, thì tài như Bàng Thống thời Tam Quốc, "*Ngọa Long, Phụng Sở, lưỡng nhân đắc nhất, yên thiên hạ*" cũng không thoát được. Khi Bàng Thống,

hiệu là Phụng Sồ (Phượng Con) đem quân vào đánh chiếm Tây Xuyên, bị Trương Nhậm dàn kế độc mà giết ở eo núi Lạc Phượng (Phượng rơi).

Nhắc chuyện xưa, nhớ chuyện nay. Ngày sập trời 30/4 Năm 1975, tàu Việt Nam Thương Tín rời bến Bạch Đằng với khoảng 2000 người, khi tàu đến sông Lòng Tảo(?) thì bị Việt Cộng pháo kích. Nhà văn Chu Tử chết trên tàu vì đạn pháo kích. Chu, âm Hán Việt của chữ 朱,周,舟...舟 có nghĩa là xuồng, tàu. Chu Tử 舟子 người đưa đò, nhưng âm Hán Việt "tử" còn có nghĩa là chết. Như vậy Chu Tử, nếu tin dị đoán thì có nghĩa là chết tàu. Thương thay!

Tham khảo, Chú thích

- 1.Đại Việt Sử Lược, Vô danh thị
- 2.Đại Việt Sử Ký Toàn Tư, Lê Văn Hưu et al
- 3.Việt Sử Tiêu Án, Ngô Thời Sĩ
- 4.Gia Định Thành Thông Chí, Trịnh Hoài Đức
- 5.Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Quốc sử quán triều Nguyễn
- 6.Bắc Hành Tạp Lục, Nguyễn Du
- 7.Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim
- 8.Saigon Năm Xưa, Vương Hồng Sển
- 9.Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn
- 10.Viện Việt Học
11. Quê hương tôi máu lửa, Đỗ Mậu

a Mục " Trần Thiệp Thế Gia, " Sử Ký , Tư Mã Thiên, bản dịch Nhữ Thành:

Trần Thắng, Ngô Quảng mừng lắm, nghĩ đến chuyện "bồi quý" nói:

"- Đây, ông ấy bảo ta trước tiên phải mượn quý thân ra uy với dân chúng đây!

Thắng bèn lấy son viết lên lụa trắng mấy chữ "Trần Thắng vương" bỏ vào bụng

con cá. Có người đánh được cá. Quân lính mua cá mổ ra thấy thư ở trong bụng cá

cho là quái lạ. Thắng lại ngầm sai Ngô Quảng đến nơi đền, cây cối um tùm, thấp

ngọn đền lồng giả làm tiếng cáo: "Đại Sở hưng! Trần Thắng vương!"

b Lục Tỉnh thời bấy giờ: Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên

c Tôn Ngộ: Tôn Vô Tử viết Tôn Tử Binh Pháp. Ngô Khởi viết Ngô Tử Binh Pháp.

Cùng thời còn có Tư Mã Nương Thư, với bộ Tư Mã Binh Pháp. Ba trong *Thất Đại Kỳ Thư* về chiến thuật của Trung Hoa.

Thầy thuốc giỏi thì người đời phong tặng “Hoa Đà, Biển Thước tái thế”. Quân sự giỏi thì nói Tôn Ngộ tái sanh.

d Thời trào ông Diệm, Thiên Chúa Giáo được gọi là Công Giáo, theo đạo Công Giáo là theo đạo nhà nước, trường công là trường nhà nước. Con nít hát lăm nhăm, “*Đạo Thiên Chúa có lúa ăn hoài, đạo Cao Đài ăn hoài hết gạo*”. Con nít đi nhà thờ, học trường di phước thì được cấp, được ăn pho-mai (fromage), bánh mì bơ (beurre)....

e. “...Nhạc bèn giận lây, nên phàm người Tàu không kể mới cũ, binh lính hay thương buôn, đều bị giết tất cả hơn 10.000 người, từ Bến Nghé đến Sài Gòn, thây nằm chồng chất ngổn ngang, xác quăng xuống sông làm nước nghẽn không chảy được nữa! Trải qua 2, 3 tháng người ta không dám ăn cá tôm dưới sông này. Còn hàng hóa của Tàu như sa, lụa, trà, thuốc, hương, giấy (nói chung bất cứ vật gì của người Tàu), ai có trong nhà cũng đều đem quăng ra đường, mà chẳng ai dám lấy.”



Trịnh Quốc Thuận, Ph.D

12/12/ 2012